

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỒNG XUÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 09 /2023/HS-ST

Ngày 28/3/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Long

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Công Hiền – Phó Chánh thanh tra huyện Đồng Xuân và Bà Nguyễn Thị Kiều Linh – Phó Chủ tịch Hội phụ nữ huyện Đồng Xuân.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký TAND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

*- Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2023/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Phẩm Thị N - Sinh ngày: 14/12/1980, tại: Huyện D, tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phẩm Văn H - SN: 1956 và bà: Nguyễn Thị G – SN: 1952; Chồng: Võ Xuân H (chết năm 2015), có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, Tiền sự: Không; Biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

\* Bị hại: Phẩm Thế P, SN: 1989 – Có mặt

Trú tại: Thôn A, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: - Phẩm Văn H, SN: 1956.

Trú tại: Thôn A, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên - Vắng mặt.

- Bà Đoàn Thị C, sinh năm: 1950.

Trú tại: KP M, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bình Định - Vắng mặt.

\*Người làm chứng: - Phạm Thế V, SN: 1988 – Có mặt

- Phạm Thị E, SN: 1988 – Có mặt

Cả hai trú tại: Thôn A, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 19/8/2022, Phạm Thị N đến gặp em ruột là Phạm Thế P hỏi mượn tiền để sử dụng và mua dụng cụ học tập cho con nhưng anh P không đồng ý. Khoảng 15 giờ cùng ngày, N biết anh P đi làm, không có ở nhà nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. N lấy một cái lưỡi cửa bằng sắt của ông Phạm Văn H rồi giấu trong người, sau đó điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 77xx-xxx của gia đình đi đến nhà anh P. Tại đây, N dùng cửa sắt cửa đứt cạy khoá ổ khoá nhà P rồi đột nhập vào bên trong tìm kiếm, thì thấy trong thùng xốp có số tiền 11.642.000 đồng, N lấy toàn bộ số tiền này giấu vào bên trong túi quần rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Sau đó, N đi đến xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng số tiền vừa trộm được mua hàng hoá, quần áo, sách vở cho con hết 2.260.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị Phạm Thị E nhìn thấy cửa nhà anh P bị cạy khoá nên gọi điện thoại nói cho anh P biết, anh P về nhà kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền 11.642.000 đồng nên báo cơ quan Công an để điều tra làm rõ. Quá trình điều tra, Phạm Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá tài sản số 46/KL-ĐGTTTHS ngày 16/12/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện D kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 77xx-xxx tại thời điểm Phạm Thị N thực hiện hành vi phạm tội có giá trị là 11.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKSĐX ngày 02/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên, truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng, kết luận bị cáo Phạm Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị HĐXX, xem xét áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Phạm Thị N. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có nơi cư trú rõ

ràng, nên áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị N từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị N cho UBND xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định, buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào nữa nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là hộ cận nghèo nên không áp dụng.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

\*Tuyên tiêu hủy: - 01 (một) cửa kim loại (kiểu khung cầm tay, điều chỉnh) không rõ hiệu đã qua sử dụng, lưỡi cửa có kích thước (31 x 02)cm; thân cửa dài 47cm; nơi rộng nhất 2,3cm; nơi hẹp nhất là 1,6cm; cán cửa không có phần bọc bên ngoài và có kích thước (21,5 x 1,6)cm. (Đây là chiếc cửa của ông Hòa nhưng có đơn không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy)

- 01 thanh kim loại dạng trụ tròn hình chữ U (dạng còng khóa), màu trắng bạc, dài 14,5cm; đường kính 0,85cm.

\*Tuyên tịch thu sung quỹ: 01 (một) xe mô tô biển số 77xx-xxxx. Đây là xe của bị cáo đã sử dụng đi trộm cắp.

(Tất cả theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 03/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D với Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện D).

Về án phí: Bị cáo là hộ cận nghèo nên được miễn án phí HSST.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, mong hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện chăm sóc con vì chồng đã mất; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; phù hợp với lời khai người bị hại; các vật chứng thu giữ được và phù hợp với nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện D đã truy tố. Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua dụng cụ học tập cho con, khoảng 15 giờ ngày 19/8/2022, tại nhà của anh Phạm Thế P ở Thôn A, xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên, bị cáo Phạm Thị N đã có hành vi lấy trộm số tiền 11.642.000 đồng của anh P. Hành vi của bị cáo N đã phạm tội: “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 08/CT-VKSĐX ngày 02/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Phú Yên, truy tố bị cáo Phạm Thị N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến tài sản của người dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất an ninh trật tự và ảnh hưởng đến nếp sống xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên phải xử lý nghiêm nhằm đề răn đe giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; mặc dù gia đình bị cáo khó khăn nhưng cũng đã khắc phục bồi thường cho bị hại số tiền mà bị cáo đã sử dụng (mua sách, vở và đồ dùng học tập cho con 2.260.000đ); bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, một mình đang nuôi con nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội nên áp dụng Điều 65 BLHS xử phạt

bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng pháp luật Nhà nước ta mà an tâm cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Bị cáo là hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] Về bồi thường dân sự: Người bị hại có đơn và tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào nữa. Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tuyên tiêu hủy: - 01 (một) cửa kim loại (kiểu khung cầm tay, điều chỉnh) không rõ hiệu đã qua sử dụng, lưới cửa có kích thước (31 x 02)cm; thân cửa dài 47cm; nơi rộng nhất 2,3cm; nơi hẹp nhất là 1,6cm; cán cửa không có phần bọc bên ngoài và có kích thước (21,5 x 1,6)cm. (Đây là chiếc cửa của ông Hòa nhưng có đơn xin không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy).

- 01 thanh kim loại dạng trụ tròn hình chữ U (dạng càng khóa), màu trắng bạc, dài 14,5cm; đường kính 0,85cm.

- Đối với chiếc xe mô tô biển số 77xx-xxxx, đây là xe của bị cáo. Bị cáo đã sử dụng đi trộm cắp nên tuyên tịch thu sung quỹ.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị N là hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị N, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

\* Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 BLHS. Xử phạt Phạm Thị N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Trộm cắp tài sản”.

Giao bị cáo Phạm Thị Ngọc N cho UBND xã L, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo qui định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định, buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

Tuyên tiêu hủy: - 01 (một) cửa kim loại (kiểu khung cầm tay, điều chỉnh) không rõ hiệu đã qua sử dụng, lưỡi cửa có kích thước (31 x 02)cm; thân cửa dài 47cm; nơi rộng nhất 2,3cm; nơi hẹp nhất là 1,6cm; cán cửa không có phần bọc bên ngoài và có kích thước (21,5 x 1,6)cm. (Đây là chiếc cửa của ông Hòa nhưng có đơn xin không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng nên tiêu hủy).

- 01 thanh kim loại dạng trụ tròn hình chữ U (dạng còng khóa), màu trắng bạc, dài 14,5cm; đường kính 0,85cm.

- Tuyên tịch thu sung quỹ 01 (một) xe mô tô biển số 77xx-xxxx.

(Tất cả theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng lập ngày 03/3/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện D với Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện D).

\* Về án phí: Bị cáo Phạm Thị N là hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

\* Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hôm nay vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (P.KT-NV);
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Đồng Xuân;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- UBND xã Đa Lộc;
- CC THADS huyện Đồng Xuân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Long**